

## BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: Kali permanganat (Potassium permanganate)

Công thức hóa học:  $KMnO_4$

Số CAS: 7722-64-7

### MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên thương mại:** Kali pemanganat
- Tên khác:** Potassium permanganate
- Công thức phân tử:**  $KMnO_4$
- Sử dụng:** Chất oxi hóa, sát trùng, xử lý nước, phân tích hóa học
- Thông tin nhà cung cấp tại Việt Nam:**

Tên công ty: Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi  
Mã số thuế: 0314051291  
Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại khẩn cấp:** 0909.907.861 (Giờ hành chính)

### MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

- Phân loại theo GHS:**
  - Chất oxi hóa rắn – Nhóm 2
  - Ăn mòn da – Nhóm 1B
  - Độc tính cấp tính qua đường miệng – Nhóm 4
  - Gây hại cho sinh vật thủy sinh – Nhóm 1
- Từ cảnh báo: NGUY HIỂM**
- Câu cảnh báo nguy hại:**
  - H272: Có thể làm tăng cường cháy, chất oxi hóa
  - H302: Có hại nếu nuốt phải
  - H314: Gây bỏng da nghiêm trọng và tổn thương mắt
  - H410: Rất độc với sinh vật thủy sinh, ảnh hưởng lâu dài
- Câu phòng ngừa:**
  - P210: Tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa
  - P264: Rửa tay kỹ sau khi tiếp xúc
  - P280: Đeo găng tay/bảo hộ mắt
  - P301+P312: Nếu nuốt phải: Gọi trung tâm chống độc

### MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

- Thành phần:** Kali permanganat
- Công thức:**  $KMnO_4$
- Hàm lượng:**  $\geq 95\%$
- CAS:** 7722-64-7

### MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Di chuyển đến nơi có không khí trong lành, hỗ trợ hô hấp nếu cần
- Tiếp xúc da:** Rửa với nước trong ít nhất 15 phút
- Tiếp xúc mắt:** Rửa mắt kỹ với nước sạch, đến cơ sở y tế ngay
- Nuốt phải:** Không được gây nôn, súc miệng và đưa đến cơ sở y tế

### MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Tính dễ cháy:** Không dễ cháy, nhưng là chất oxi hóa mạnh, hỗ trợ cháy
- Chất chữa cháy phù hợp:** Nước, bột chữa cháy,  $CO_2$
- Trang bị bảo hộ:** Mặt nạ lọc, quần áo chống hóa chất
- Chú ý:** Tránh dùng vật liệu dễ cháy gần hóa chất này

### MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Ngăn ngừa cá nhân:** Tránh tiếp xúc trực tiếp, sử dụng bảo hộ
- Ngăn ngừa môi trường:** Tránh để rò rỉ vào cống rãnh

- **Dọn dẹp:** Thu gom bằng cách hút khô hoặc quét, tránh tạo bụi

---

#### MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- **Sử dụng:** Làm việc nơi thông thoáng, tránh tiếp xúc với chất dễ cháy
- **Bảo quản:** Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng và vật liệu hữu cơ
- **Không tương thích:** Glycerin, ethanol, các chất dễ cháy, chất khử

---

#### MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

- **Giới hạn tiếp xúc (TLV):** 0.2 mg/m<sup>3</sup> (Mn)
- **Bảo hộ cá nhân:**
  - **Hô hấp:** Mặt nạ lọc bụi
  - **Da:** Găng tay cao su, áo chống hóa chất
  - **Mắt:** Kính bảo hộ kín
  - **Cơ thể:** Quần áo bảo hộ đầy đủ

---

#### MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

- **Trạng thái:** Tinh thể rắn
- **Màu sắc:** Tím đậm
- **Mùi:** Không mùi
- **pH (dung dịch 1%):** ~7.2
- **Nhiệt độ phân hủy:** > 200°C
- **Tỷ trọng:** 2.7 g/cm<sup>3</sup>
- **Độ tan trong nước:** Rất tan, tạo dung dịch tím

---

#### MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- **Ổn định:** Ổn định trong điều kiện thường
- **Tránh tiếp xúc:** Chất khử, axit, côn, vật liệu hữu cơ
- **Phản ứng nguy hiểm:** Phản ứng mạnh với glycerin, đường, ethanol → nguy cơ cháy/nổ
- **Sản phẩm phân hủy:** Mangan dioxide, oxy

---

#### MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- **LD50 (chuột, uống):** ~750 mg/kg
- **Tác hại:** Gây bong da, tổn thương mắt, độc nếu nuốt/hít nhiều
- **Tác động mãn tính:** Gây tổn thương gan, thận nếu tiếp xúc dài hạn

---

#### MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- **Độc tính cao với sinh vật thủy sinh**
- **Ảnh hưởng lâu dài đến môi trường nước**
- **Phân hủy sinh học:** Không dễ phân hủy

---

#### MỤC 13: BIỆN PHÁP XỬ LÝ CHẤT THẢI

- **Không được đổ vào cống rãnh hoặc môi trường**
- **Xử lý theo quy định địa phương về chất thải nguy hại**
- **Có thể trung hòa bằng chất khử trong môi trường kiểm soát**

---

#### MỤC 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

- **Tên vận chuyển quốc tế:** Potassium permanganate
- **UN Number:** 1490
- **Nhóm nguy hiểm:** 5.1 (Chất oxi hóa)
- **Đóng gói:** Nhóm II
- **Biển cảnh báo:** Chất oxi hóa, nguy hiểm cho môi trường

---

#### MỤC 15: THÔNG TIN PHÁP LÝ

- **GHS:** Có yêu cầu ghi nhãn và đóng gói nguy hiểm
- **Tuân thủ quy định Việt Nam và quốc tế về vận chuyển hóa chất nguy hiểm**

---

## MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- **Ngày cập nhật:** 26/11/2026
- **Khuyến cáo:** Chỉ sử dụng cho mục đích phòng thí nghiệm hoặc công nghiệp; không dùng trong y tế/hàng tiêu dùng nếu không có chứng nhận phù hợp
- Ghi chú:
  - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
  - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
  - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế